

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 16-8-2018  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Bùi Thu Lan,

Ông Đàm Công Du.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 986/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 1078/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Đặng Duy N, trú quán: Thôn M, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa;

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, trú quán: Thôn M, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2018, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Đặng Duy N trình bày:

Anh Đặng Duy N và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện và đến năm 2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không phù hợp nên

thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh N thấy vợ chồng không còn tình cảm nên có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con chung vợ chồng có 02 con chung là Đặng Duy B, sinh ngày 03 tháng 12 năm 1995 hiện đã trưởng thành không phải nuôi dưỡng và con Đặng Thị Bích N sinh ngày 03 tháng 7 năm 2014, anh N đề nghị Tòa án giao con cho chị H nuôi con và anh N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn chị Nguyễn Thị H Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình nhưng chị H không đến Tòa nên không có lời khai tại Tòa án nhưng Tòa án có nhận được bản tự khai ngày 05 tháng 6 năm 2018 của chị H trình bày vợ chồng có hai con chung là Đặng Duy B và Đặng Thị Bích N, hiện chị H đang nuôi dưỡng nên chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ; mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng. Phiên tòa được mở đúng thời gian, địa điểm ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Cho anh Đặng Duy N và chị Nguyễn Thị H được ly hôn; về con chung: Giao con Đặng Thị Bích N, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2004 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, tạm hoãn việc anh N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung vợ chồng anh N không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh Đặng Duy N do anh Đặng Duy N có đơn xin xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị H vắng mặt mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa 02 lần nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt anh Đặng Duy N và chị Nguyễn Thị H.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đặng Duy N và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 12 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Anh N và chị H chung sống hòa thuận thời gian đầu sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau hay xảy ra xích mích, năm 2005 vợ chồng sống ly thân cho đến nay không quan tâm đến nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh N và chị H đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, anh N có đơn ly hôn chị H là H toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Anh N và chị H có 02 con chung là Đặng Duy B, sinh ngày 03 tháng 12 năm 1995 hiện đã trưởng thành, không phải nuôi dưỡng và Đặng Thị Bích N, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2004 hiện chị H đang nuôi dưỡng. Cháu N có ý kiến được ở với mẹ là chị H nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi con Đặng Thị Bích N là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nhưng không yêu cầu cụ thể là bao nhiêu, anh N trình bày không cấp dưỡng nuôi con vì chị H đang sử dụng toàn bộ tài sản của vợ chồng để ở và nuôi con, hàng tháng anh N vẫn có trách nhiệm với con. Tòa án nhân dân huyện A đã yêu cầu chị H cung cấp tài liệu chứng minh chứng cứ về thu nhập của anh N, nhưng chị H không cung cấp. Nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh N.

[5] *Về tài sản chung vợ chồng*: Anh Đặng Duy N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Cho anh Đặng Duy N và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con Đặng Thị Bích N, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2004 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Đặng Duy N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đặng Duy N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đặng Duy N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016860 ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Anh Đặng Duy N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Đặng Duy N và chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nguyễn Văn Hải*

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hải**